



Dữ liệu an toàn
Theo điều 04/2012/TT-BCT

Ngày in 2019.01.21

Số phiên bản 2

Sửa lại: 2019.01.21

1 Nhận biết các chất hoặc hỗn hợp và các doanh nghiệp

- **Phân loại sản phẩm**
- **Tên giao dịch Oxalic Acid**
- **Mã giao dịch:** MM0928.01
- **Mã CAS:**
144-62-7
- **Số EC:**
205-634-3
- **Mã hiển thị:**
607-006-00-8
- **Các trường hợp được dùng chất, hỗn hợp này và các trường hợp chống chỉ định**
Không có thêm thông tin có liên quan.
- **Hướng dẫn sử dụng** Tài liệu tham khảo chỉ dùng cho phòng thí nghiệm
- **Thông tin chi tiết của các nhà cung cấp các bảng dữ liệu an toàn**
- **Nhà sản xuất / Nhà phân phối:**
LGC GmbH
Louis-Pasteur-Straße 30
14943 Luckenwalde
GERMANY
Tel: +49(0) 3371 689 5097
Fax: +49(0) 3371 689 5099
Email: info@lgc-germany.com
Web : www.lgcstandards.com
- **Các thông tin chi tiết có thể tìm thấy ở:**
Product safety department
eMail : sds-request@lgcstandards.com
- **Số điện thoại khẩn cấp:** +49 (0) 33716895097 (Monday - Friday 8am - 5pm)

2 Xác định các trường hợp nguy hiểm có thể xảy ra

- **Phân loại chất và hỗn hợp**



Ăn mòn

Có hại cho mắt 1. H318 Gây thiệt hại nghiêm trọng cho mắt.



Nhiễm độc cấp tính 4 H302 Có hại nếu nuốt phải

Nhiễm độc cấp tính 4 H312 Có hại khi tiếp xúc với da.

- **Các phần tử nhãn hiệu**
- **Các yếu tố trên nhãn GHS** Chất này được xếp loại và ghi nhãn theo quy định của GHS
- **Các hình biểu thị sự nguy hiểm**



GHS05 GHS07

- **Từ chỉ dấu hiệu** Nguy hiểm
- **Các hướng dẫn về các nguy hiểm**
H302+H312 Có hại nếu nuốt phải hoặc tiếp xúc với da.
H318 Gây thiệt hại nghiêm trọng cho mắt.
- **Các hướng dẫn an toàn**
P280 Đeo găng tay bảo vệ/mặc quần áo bảo hộ/dụng cụ bảo vệ mắt/bảo vệ mặt.
P301+P312 Trường hợp nuốt phải: gọi trung tâm giải độc/bác sĩ nếu cảm thấy khó chịu
(Xem tiếp ở trang 2)

Dữ liệu an toàn

Theo điều 04/2012/TT-BCT

Ngày in 2019.01.21

Số phiên bản 2

Sửa lại: 2019.01.21

Tên giao dịch Oxalic Acid

(Xem tiếp ở trang 1)

P305+P351+P338 **NẾU DÍNH MẮT:** Rửa thật cẩn thận với nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng nếu có và nếu dễ làm. Sau đó tiếp tục rửa

P310 Gọi ngay trung tâm giải độc/ bác sĩ

P321 Việc chữa trị cụ thể (xem trên nhãn mác).

P501 Vứt sản phẩm/vỏ hộp theo quy định của địa phương/khu vực/quốc gia/quốc tế.

- **Các dấu hiệu nguy hiểm khác:**
- **Kết quả của đánh giá PBT và vPvB Results**
- **PBT:** Không được áp dụng
- **vPvB:** Không được áp dụng

3 Thành phần / Thông tin của công thức

- **Mô tả tính chất hóa học:** Chất
- **Mô tả mã CAS**
144-62-7 Oxalic acid
- **Mã nhận biết -**
- **Số EC:** 205-634-3
- **Mã hiển thị :** 607-006-00-8
- **RTECS:** RO 2450000
- **Các thông tin kèm theo::** Đối với các từ ngữ dùng để chỉ rủi ro được liệt kê trong mục 16

4 Các biện pháp sơ cứu

- **Mô tả về các biện pháp sơ cứu**
- **Hướng dẫn chung:**
Triệu chứng nhiễm độc có thể xuất hiện sau một vài giờ, nên những quan sát ý tế cần phải được kéo dài ít nhất 48 giờ sau tai nạn.
- **Sau khi hít vào:**
Cung cấp không khí trong lành, hỏi ý kiến bác sĩ trong trường hợp người bệnh bị đau.
- **Sau khi tiếp xúc với da:**
Rửa ngay và thật sạch với nước và xà phòng
Tìm cách xử lý vết thương
- **Sau khi tiếp xúc với mắt:**
Nhẹ nhàng rửa mắt trong vài phút dưới vòi nước, sau đó xin tư vấn bác sĩ
- **Sau khi nuốt phải:**
Rửa miệng. Không gây nôn
Tìm cách điều trị
- **Thông tin dành cho bác sĩ:**
- **Những triệu chứng và tác dụng cấp và chậm quan trọng nhất:**
Không có thông tin liên quan nào khác
- **Các chỉ dẫn về sự giúp đỡ tức thời của bác sĩ và trợ giúp đặc biệt**
Không có thêm thông tin liên quan

5 Các giải pháp chữa cháy

- **Các phương tiện chữa cháy**
- **Các giải pháp chữa cháy thích hợp**
Use Sử dụng phương pháp chữa cháy phù hợp với điều kiện môi trường xung quanh
- **Những nguy cơ gây cháy từ các chất hoặc hỗn hợp**
Có thể sinh ra khí độc khi đun nóng hay trong đám cháy

(Xem tiếp ở trang 3)

Dữ liệu an toàn

Theo điều 04/2012/TT-BCT

Ngày in 2019.01.21

Số phiên bản 2

Sửa lại: 2019.01.21

Tên giao dịch Oxalic Acid

(Xem tiếp ở trang 2)

- Hướng dẫn trong trường hợp chữa cháy
- Các thiết bị bảo vệ Đeo bình khí thở

6 Các biện pháp trong trường hợp giải phóng bất ngờ

- **Các biện pháp phòng ngừa cá nhân, thiết bị bảo hộ và thủ tục khẩn cấp**
Đeo thiết bị bảo vệ. Những ai không có thiết bị bảo vệ không được vào khu vực nguy hiểm
- **Các biện pháp bảo vệ môi trường**
Ngăn không cho tràn vào hệ thống nước thải, nước mặt hay nước ngầm
- **Các phương pháp và nguyên liệu dùng cho việc ngăn chặn và làm sạch**
Sử dụng chất trung hòa.
Loại bỏ vật liệu bị ô nhiễm theo quy định về chất thải tại mục 13
- **Liên hệ đến các phần khác**
Xem phần 7 để biết thông tin về xử lý an toàn
Xem phần 8 để biết thông tin và thiết bị bảo hộ cá nhân
Xem phần 13 để biết thông tin về xả thải

7 Xử lý và lưu trữ

- **Xử lý**
- **Các biện pháp bảo vệ để xử lý an toàn**
Loại bỏ hoàn toàn bụi
Đề ở nơi thoáng mát, khô và đậy kín
- **Thông tin về các biện pháp chống cháy**, Không có yêu cầu về biện pháp đặc biệt
- **Điều kiện cho việc lưu trữ an toàn, bao gồm cả sự không tương thích**
- **Lưu trữ:**
- **Yêu cầu đối với phòng chứa và dụng cụ chứa**
Vui lòng tham khảo chứng chỉ của nhà sản xuất đối với các điều kiện bảo quản và điều kiện vận chuyển cụ thể
Store only in the original receptacle unless other advice is given on the CoA.
Keep container in a well-ventilated place. Keep away from sources of ignition and heat.
- **Thông tin về lưu trữ đối với một cơ sở lưu trữ thông thường** Tránh xa thực phẩm
- **Thông tin thêm về điều kiện lưu trữ** Đậy kín bình chứa
- **Tác dụng của sản phẩm** Không có thêm thông tin liên quan

8 Kiểm soát các tình huống nguy hiểm / Bảo vệ cá nhân

- **Thông tin thêm về thiết kế các phương tiện kỹ thuật** Không có thêm dữ liệu; xem mục 7
- **Các thông số điều khiển**

- **Các thành phần với giá trị giới hạn cần được yêu cầu giám sát tại nơi làm việc**

CAS: 144-62-7 Oxalic acid

OEL (CN)	Giá trị ngắn hạn: 2 mg/m ³ Giá trị dài hạn: 1 mg/m ³
----------	---

- **Thông tin bổ sung** Danh sách có hiệu lực trong suốt quá trình thực hiện được sử dụng làm cơ sở
- **Kiểm soát các tình huống nguy hiểm**
- **Các thiết bị an toàn cá nhân**
- **Các biện pháp bảo vệ và vệ sinh tổng thể**
Tránh xa thực phẩm, đồ uống và đồ ăn cho vật nuôi
Loại bỏ ngay lập tức tất cả quần áo bị nhiễm bẩn
rửa tay trước giờ nghỉ và cuối giờ làm
Tránh tiếp xúc với mắt

(Xem tiếp ở trang 4)

Dữ liệu an toàn

Theo điều 04/2012/TT-BCT

Ngày in 2019.01.21

Số phiên bản 2

Sửa lại: 2019.01.21

Tên giao dịch Oxalic Acid

(Xem tiếp ở trang 3)

Tránh tiếp xúc với mắt và da

· **Bảo vệ đường hô hấp:** Không yêu cầu· **Bảo vệ tay**

Chất liệu làm găng phải chống thấm đối với sản phẩm/chất/chế phẩm

Chọn chất liệu găng theo số lần và thời gian sử dụng

Găng tay bảo hộ được sử dụng phải tuân theo các thông số của Chỉ thị EC 89/686/EEC và EN374 chuẩn có liên quan



Găng tay bảo hộ

· **Chất liệu của găng tay** Găng tay PVC· **Thời gian xâm nhập của găng tay vật liệu**

Việc phá vỡ chính xác qua thời gian đã được phát hiện bởi các nhà sản xuất găng tay bảo hộ và phải được giám sát

· **Bảo vệ mắt Eye**

Kính bảo hộ dán kín

9 Tính chất vật lý và hóa học

· Thông tin về tính chất vật lý và hóa học cơ bản

· Thông tin tổng quát

· **Diện mạo:**

Hình thức::

Chất rắn

Màu:

Trắng

· **Mùi:**

Không mùi

· **Ngưỡng mùi:**

Không xác định.

· **Độ pH:**

Không thể áp dụng.

· **Thay đổi trong điều kiện**

Điểm tan / Phạm vi tan

189-190 °C

Điểm sôi / Phạm vi sôi

157 °C

· **Điểm bay hơi:**

Không thể áp dụng.

· **Tính dễ cháy (rắn, khí):**

Không xác định

· **Nhiệt độ phân hủy:**

Không xác định.

· **Tự cháy:**

Không xác định.

· **Nguy hiểm do cháy nổ:**

Không xác định

· **Giới hạn nổ:**

Dưới:

Không xác định

Trên:

Không xác định.

· **Áp lực hơi tại 40 °C:**

0.4 hPa

· **Mật độ tại 20 °C:**1.9 g/cm³· **Mật độ tương đối:**

Không xác định.

· **Mật độ của hơi:**

Không thể áp dụng.

· **Tỉ lệ bay hơi:**

Không thể áp dụng.

(Xem tiếp ở trang 5)

Dữ liệu an toàn

Theo điều 04/2012/TT-BCT

Ngày in 2019.01.21

Số phiên bản 2

Sửa lại: 2019.01.21

Tên giao dịch Oxalic Acid

(Xem tiếp ở trang 4)

- | | |
|---|---------------------------------------|
| · Độ hòa tan trong / Độ hòa trộn với: | |
| Nước tại 20 °C: | 95 g/l |
| · Sự phân biệt hệ số (n-octanol / Nước): | -1.7 (23C) log P |
| · Độ nhớt: | |
| Động | Không thể áp dụng. |
| Tĩnh | Không thể áp dụng. |
| · Thông tin khác: | Không có thông tin chi tiết tương ứng |

10 Sự ổn định và phản ứng:

- **Phản ứng:** Ổn định trong điều kiện bình thường
- **Sự ổn định hóa học:** Ổn định trong điều kiện bình thường
- **Phân hủy nhiệt / Điều kiện cần tránh::** Có thể sinh ra khí độc khi đun nóng hay trong đám cháy
- **Khả năng phản ứng nguy hiểm:** Chưa có phản ứng nguy hiểm nào được biết tới.
- **Các điều kiện cần tránh:** nhiệt.
- **Vật liệu không tương thích:** Các tác nhân oxy hóa mạnh
- **Sản phẩm phân hủy nguy hiểm:**
Có thể sinh ra khí độc khi đun nóng hay trong đám cháy
Carbon monoxide và carbon dioxide

11 Thông tin độc tính:

- **Thông tin về các hiệu ứng độc tính:**
- **Ngộ độc cấp tính:**

· Phân loại liên quan tới giá trị LD/LC50

Miếng	LD50	375 mg/kg (rat)
	LD 50 (Intraperitoneal)	270 mg/kg (mouse)

- **Hiệu ứng kích thích sơ cấp:**
- **Trên da** Dựa trên số liệu sẵn có, tiêu chí phân loại không được đáp ứng.
- **Trên mắt:** Kích ứng mạnh với nguy cơ tổn thương mắt nghiêm trọng.
- **Độ nhạy cảm** Dựa trên số liệu sẵn có, tiêu chí phân loại không được đáp ứng.

12 Thông tin sinh thái

· Độc tính

· Thủy sản độc tính:

EC50/48 h	137 mg/l (crustacean)
	162.2 mg/l (daphnia)

- **Sự kiên trì và khả năng nhậ dần:** Không có thêm thông tin liên quan.
- **Hành vi trong các hệ thống môi trường:**
- **Tiềm năng tích lũy sinh học** Không có thêm thông tin liên quan.
- **Tính lưu động trong đất** Không có thêm thông tin liên quan.
- **Bổ sung thông tin sinh thái:**
- **Ghi chú tổng quát:**
Độc hại cho nước loại 1 (quy định của Đức) (Đánh giá theo danh sách): hơi độc cho nước.
Không để sản phẩm chưa pha loãng hoặc số lượng lớn tiếp xúc với nước ngầm, nguồn nước hoặc hệ thống nước thải.

(Xem tiếp ở trang 6)

Dữ liệu an toàn

Theo điều 04/2012/TT-BCT

Ngày in 2019.01.21

Số phiên bản 2

Sửa lại: 2019.01.21

Tên giao dịch Oxalic Acid

(Xem tiếp ở trang 5)

Không được bỏ vào hệ thống nước thải hoặc hệ thống thoát nước mà chưa pha loãng hoặc chưa trung hòa.

- **Kết quả của đánh giá PBT và vPvB**
- **PBT PBT:** Không có khả năng ứng dụng.
- **vPvB vPvB:** Không có khả năng ứng dụng.
- **Các hiệu ứng bất lợi** Không có thêm thông tin liên quan.

13 Xem xét xử lý

- **Phương pháp xử lý chất thải**
- **Khuyến nghị**
Không được xử lý cùng rác thải sinh hoạt. Không được bỏ sản phẩm vào hệ thống nước thải.
- **Bao bì bẩn**
- **Khuyến nghị:** Việc xử lý phải thực hiện theo các quy định của chính quyền.

14 Thông tin vận chuyển

- | | |
|---|--|
| <ul style="list-style-type: none"> · Mã LHQ (UN) · ADR, ADN, IMDG, IATA · ADR, ADN, IMDG, IATA | <ul style="list-style-type: none"> Không có khả năng áp dụng Không có khả năng áp dụng |
| <ul style="list-style-type: none"> · vận chuyển các lớp học nguy hiểm · ADR, ADN, IMDG, IATA · lớp | <ul style="list-style-type: none"> Không có khả năng áp dụng |
| <ul style="list-style-type: none"> · Nhóm bao bì · ADR, IMDG, IATA | <ul style="list-style-type: none"> Không có khả năng áp dụng |
| <ul style="list-style-type: none"> · Các môi trường nguy hiểm: | <ul style="list-style-type: none"> Không có khả năng ứng dụng.. |
| <ul style="list-style-type: none"> · Các biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho người sử dụng: | <ul style="list-style-type: none"> Không có khả năng ứng dụng. |
| <ul style="list-style-type: none"> · Vận chuyển với số lượng lớn theo Phụ Lục II của MARPOL73/78 và mã IBC | <ul style="list-style-type: none"> Không có khả năng ứng dụng. |
| <ul style="list-style-type: none"> · Mẫu chuẩn của LHQ: | <ul style="list-style-type: none"> Không có khả năng áp dụng |

15 Thông tin quy định:

- An toàn, sức khỏe và các quy định, pháp luật về môi trường cho các chất và hỗn hợp
- Các hình biểu thị sự nguy hiểm



GHS05 GHS07

- **Từ chỉ dấu hiệu** Nguy hiểm
- **Các hướng dẫn về các nguy hiểm**
H302+H312 Có hại nếu nuốt phải hoặc tiếp xúc với da.
H318 Gây thiệt hại nghiêm trọng cho mắt.
- **Các hướng dẫn an toàn**
P280 Đeo găng tay bảo vệ/mặc quần áo bảo hộ/dụng cụ bảo vệ mắt/bảo vệ mặt.

(Xem tiếp ở trang 7)

Dữ liệu an toàn

Theo điều 04/2012/TT-BCT

Ngày in 2019.01.21

Số phiên bản 2

Sửa lại: 2019.01.21

Tên giao dịch Oxalic Acid

(Xem tiếp ở trang 6)

P301+P312 Trường hợp nuốt phải: gọi trung tâm giải độc/bác sĩ nếu cảm thấy khó chịu
P305+P351+P338 **NEU DÍNH MẮT:** Rửa thật cẩn thận với nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng nếu có và nếu dễ làm. Sau đó tiếp tục rửa
P310 Gọi ngay trung tâm giải độc/ bác sĩ
P321 Việc chữa trị cụ thể (xem trên nhãn mác).
P501 Vứt sản phẩm/vỏ hộp theo quy định của địa phương/khu vực/quốc gia/quốc tế.

· **Đánh giá an toàn hóa chất:** Đánh giá an toàn hóa chất chưa được tiến hành.

16 Thông tin khác

The information in this safety data sheet (SDS) has been prepared with due care and is true and accurate to the best of our knowledge. The user must determine the suitability of the information for its particular purpose, ensure compliance with existing laws and regulations, and be aware that other or additional safety or performance considerations may arise when using, handling and/ or storing the material. The information in this SDS does not purport to be all inclusive or a guarantee as to the properties of the material supplied, and should be used only as a guide. LGC makes no warranties or representations as to the accuracy and completeness of the information contained herein, shall not be held responsible for the suitability of this information for the user's intended purposes or the consequences of such use, and shall not be liable for any damage or loss, howsoever arising, direct or otherwise.

· **Chữ viết tắt hoặc Viết tắt chữ cái đầu:**

ADR: Accord européen sur le transport des marchandises dangereuses par Route (European Agreement concerning the International Carriage of Dangerous Goods by Road)

IMDG: International Maritime Code for Dangerous Goods

IATA: International Air Transport Association

EINECS: European Inventory of Existing Commercial Chemical Substances

CAS: Chemical Abstracts Service (division of the American Chemical Society)

LC50: Lethal concentration, 50 percent

LD50: Lethal dose, 50 percent

PBT: Persistent, Bioaccumulative and Toxic

vPvB: very Persistent and very Bioaccumulative

Nhiễm độc cấp tính 4: Acute toxicity – Category 4

Có hại cho mắt 1.: Serious eye damage/eye irritation – Category 1

· **Nguồn:**

Tables 3.1 and 3.2 from Annex 6 of EC 1272/2008, EC 1907/2006, EH40/2005 as amended 2011, Registry of Toxic Effects of Chemical Substances (RTECS), The Dictionary of Substances and their Effects, 1st Edition, IUCLID.

· **Số liệu so với các biên bản trước đã có thay đổi** Tất cả các mục đã được cập nhật.